

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 01 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Từ Dũ có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm trực tiếp Vật tư, hóa chất năm 2024 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Từ Dũ.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
Bà Nguyễn Trần Như Ý – Nhân viên, Phòng Vật tư Thiết bị y tế.
Số điện thoại: 028. 54042811 (Số nội bộ: 336).
Địa chỉ email: nguyentrannhuy1992@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp hoặc theo đường bưu điện tại địa chỉ: Phòng Vật tư Thiết bị y tế - Bệnh viện Từ Dũ, 284 Cống Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (Bản báo giá có đóng dấu, ký và ghi rõ họ tên).

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 16 tháng 01 năm 2024 đến trước 17h ngày 29 tháng 01 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 30 tháng 01 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục hàng hóa:

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
1	Dao siêu âm mổ nội soi cán dài 36cm	Dao siêu âm mổ nội soi thích ứng mô, đường kính cán 5mm, chiều dài cán 36cm, kết hợp tương thích với dây dao Harmonic HP054 và máy phát chính GEN11 (máy cắt cầm máu kết hợp công nghệ siêu âm và công nghệ hàn mạch lưỡng cực tiên tiến).	3	Cái
2	Giấy điệt tim 3 kênh 80mm x 20m	Giấy in nhiệt, in rõ nét, sử dụng cho máy đo điện tim 3 kênh đang sử dụng tại bệnh viện. Kích thước 80mm x 20m.	700	Cuộn
3	Ống nghiệm Edta chân không 13*75mm	Chất liệu: nhựa PET hoặc PP trong suốt. Kích thước: 13x75mm, nắp cao su cho phép kim chọc mẫu xuyên qua và nắp thiết kế 2 lớp,	120.000	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
		không có latex, ống kín chân không lấy máu tự động, có vạch chỉ thị lượng máu cần lấy trong khoảng chênh lệch $\pm 10\%$. Có hoạt chất Edta.		
4	Túi nhựa đựng nước tiểu 2.000ml	Chất liệu nhựa PVC trong suốt, dung tích 2.000ml, có vạch chia rõ ràng, chính xác. Có dây treo túi và có van xả đáy. Có dây dẫn nước tiểu dài từ 80cm đến 90cm. Đóng gói tiệt trùng từng cái	60.000	Cái
5	Bơm tiêm 3ml kim 25	Bơm tiêm nhựa liền kim 3 ml, cỡ kim 25G. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng.	6.000	Cái
6	Dây nối máy bơm tiêm 140 cm	<ul style="list-style-type: none"> Dây nối bơm tiêm điện ≥ 140cm. Đường kính trong 0,9mm. Đường kính ngoài 1,9mm. Đầu nối khóa vặn xoắn (luer lock) Dây bằng chất liệu nhựa y tế, chống xoắn, mềm dẻo, không Latex. 	66.000	Cái
7	Khóa 3 chia có dây 25 cm	Chất liệu nhựa không chứa DEHP, khóa 3 chia có 2 đầu khóa Luer lock điều chỉnh. Dây nối dài ≥ 25 cm, trong suốt, đầu dây có khóa vặn. Đóng gói tiệt trùng từng cái.	60.000	Cái
8	Ống nghiệm Edta nắp đậy cao su	Ống nghiệm nhựa có EDTA, kích thước 12x75 mm, nắp nhựa bọc cao su.	216.000	Cái
9	Ống nghiệm Serum	Ống nghiệm nhựa, kích thước 13x75mm, nắp nhựa. Có chứa hạt nhựa polystyrene. Nắp có màu để phân biệt.	9.600	Cái
10	Dụng cụ mở đường đo huyết áp động mạch xâm lấn	Catheter Polyurethane cảm quang nhạy nhiệt 20G dài 4.5cm - 8cm; 18G dài 8cm - 12cm, ống bọc ngoài đầu tip chống xoắn, dây dẫn thẳng. Kim dẫn thẳng 20Ga x 4cm; 18Ga x 7cm. Bơm tiêm 2.5cc, 5cc. Tiệt trùng EO, không latex.	360	Cái
11	Bộ đo huyết áp động mạch xâm lấn 1 đường	Bao gồm: 2 đoạn dây chính dài 60inch/06inch hoặc 12inch và 1 đoạn dây phụ 60inch, 2 khóa 3 hoặc 4 ngã, 1 khóa lấy mẫu máu kín, đầu truyền dịch hình chữ J, transducer 3cc, dây truyền dịch 60L. Thông số kỹ thuật transducer. Độ nhạy $5.0 \pm 1\% \mu\text{v/v/mmHg}$. Trở kháng đầu vào 350 ohms. Trở kháng đầu ra 300 ohms. Tốc độ dòng thấp (3ml/hr; 30ml/hr). Tốc độ dòng cao (125ml/phút). Áp suất hoạt động-30 đến 300 (mmHg). Quá áp -400 đến 6000 (mmHg), đối xứng $\pm 5\%$. Đóng gói riêng từng bộ	200	Cái
12	Lọc vi sinh cho điều áp hút	Khả năng lọc: 0,2 micorn Lọc bằng vật liệu PP Đầu nối phù hợp với hệ thống hút của bệnh viện	6.000	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
13	Kim gây tê tùy sống 22G	1. Đầu kim Quincke 3 mặt vát, kích thước 22G x 3 1/2" 2. Đường kính ngoài của kim ngoài 0.5 mm, thành kim mỏng, chiều dài mặt vát từ 1.51-2.05 mm 3. Đường kính ngoài của kim thông nòng 0.3 mm 4. Đốc kim Polypropylene (PP) trong suốt để quan sát dịch não tủy, có nhiều rãnh ngang giúp cầm chắc chắn. Tiệt trùng từng cái, đóng gói riêng.	2.400	Cái
14	Tấm bông (gạc cầu) tiệt trùng đường kính 3 cm	Lớp vải bọc bên ngoài: Gạc y tế 100% cotton, đuôi dây dài 15cm±2cm, màu trắng, không mùi và thấm hút tốt. Lớp gòn bên trong: Bông xơ tự nhiên 100% cotton, đường kính 3cm±0.2cm, thấm hút tốt, màu trắng, se chắc chắn, không mùi và không lẫn tạp chất. Đóng gói: 20 viên/ gói. Tiệt trùng	14.400	Viên
15	Khăn trải có lỗ 30cm x 30cm	Chất liệu vải không dệt, không thấm nước. Kích thước 30cm x 30cm	2.400	Cái
16	Gòn vệ sinh fi 3cm x 6cm, tiệt trùng	Bông xơ tự nhiên 100% cotton, đường kính: 3cm±0.2cm, dài 6cm±0.2cm, thấm hút tốt, màu trắng, sợi mảnh, mềm, không mùi và không lẫn tạp chất. Đóng gói: 100gram/ gói. Tiệt trùng.	3.960	Gói/ 100 gram
17	Tấm bông (gạc cầu) đường kính 5 cm, tiệt trùng	Gạc dệt 100% cotton, hình cầu, đường kính 4-5cm, đuôi dây dài 15cm đến 20 cm, thấm hút, màu trắng. Lớp gòn bên trong: Bông xơ tự nhiên 100% Đóng gói: 20 viên/ gói. Tiệt trùng.	180.000	Viên
18	Phim khô laser 26cm x 36cm	Loại phim in ngay, dạng tấm phẳng, làm từ plastic, chưa phơi sáng, sử dụng tương thích với máy in phim khô model: DryPix - Kích thước 26cm x 36cm; - Bên ngoài bao chứa có in mã vạch để máy in phim nhận dạng.	35.000	Tấm
19	Phim khô laser 35cm x 43cm	Loại phim in ngay, dạng tấm phẳng, làm từ plastic, chưa phơi sáng, sử dụng tương thích với máy in phim khô model: DryPix - Kích thước 35cm x 43cm; - Bên ngoài bao chứa có in mã vạch để máy in phim nhận dạng.	66.000	Tấm
20	Chỉ tiêu sinh học tan chậm Catgut Chromic số 1 kim tròn 1/2C 40mm, chỉ dài 70-80cm.	Chỉ tiêu sinh học tan chậm Catgut Chromic số 1 kim tròn 1/2C 40mm, chỉ dài 70-80cm.	19.632	Sợi
21	Chỉ tiêu sinh học tan chậm Catgut	Chỉ tiêu sinh học tan chậm Catgut Chromic số 0 kim tròn 1/2C 25-30mm, chỉ dài 70-80cm.	1.260	Sợi

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
	Chromic số 0 kim tròn 1/2C 25-30mm, chỉ dài 70-80cm.			
22	Chỉ nylon số 0 kim tam giác 40mm, chỉ dài 90-100cm.	Chỉ nylon số 0 kim tam giác 1/2C 40mm, chỉ dài 90-100cm.	350	Sợi
23	Chỉ tiêu tổng hợp đơn sợi số 3/0	Chỉ tiêu tổng hợp đơn sợi số 3/0 polydioxanone, kim tròn 26mm 1/2C, chỉ dài 70-80cm.	696	Sợi
24	Bao đầu camera nội soi	Chất liệu: Màng nhựa PE trong suốt. Kích cỡ: 15cm x 230-250cm Đóng gói tiệt trùng từng cái	14.400	Cái
25	Áo giấy y tế	Chất liệu vải không dệt, ≥ 40 gsm. Chống thấm, chống vi khuẩn. Chiều rộng từ 150cm – 160cm, chiều dài từ 130cm – 140cm. Có nhiều size: L, XL. Áo có thiết kế dài tay, cổ tay có bo thun. Có dây buộc hoặc khuy cố định hoặc miếng dán ở cổ áo. Có dây buộc hoặc khuy cố định ở phần lưng (eo). Không tiệt trùng.	7.200	Cái
26	Nón giấy tiệt trùng thun đơn	Chất liệu vải không dệt, thun mềm, đường kính 52cm - 54cm. Đóng gói tiệt trùng từng cái	252.000	Cái
27	Khẩu trang tiệt trùng dây cột	Chất liệu vải PP không dệt, ≥ 3 lớp, có dây cột. Đóng gói tiệt trùng từng cái	179.000	Cái
28	Giấy gói 90cm x 90cm	Giấy gói dụng cụ chất liệu vải không dệt, kích thước 90cm x 90cm	7.200	Tờ
29	Tube biopure 1,5 ml có nắp	* Ống nghiệm nhựa PP. * Thể tích 1.5 ml, có vạch thể tích trên thành ống. * Thành trơn láng chống sự bám dính của mẫu bệnh phẩm.	15.000	Cái
30	Dây hút dịch phẫu thuật nhựa dẻo 10mm/12mm	Chất liệu bằng nhựa PVC, đường kính trong 10mm, đường kính ngoài 12mm; dài 1,5-2m, chịu được áp lực của máy hút, có cục gù. Đóng gói tiệt trùng 2 lớp từng sợi	46.200	Sợi
31	Tấm điện cực dán (máy cắt đốt SD 1 lần)	Tấm điện cực trung tính sử dụng cho máy cắt đốt, có vòng đẳng thế chia tấm điện cực thành 2 phần đối xứng, diện tích bề mặt tiếp xúc ≥ 75 cm ² , keo dán phủ đều trên bề mặt. Kích thước (Dài x Rộng): (170 x 130) \pm 10 mm Tương thích máy cắt đốt Erbe/Aesculap/Alsa/EMC đang sử dụng tại bệnh viện.	15.000	Miếng
32	Găng tay chưa tiệt trùng	Chất liệu cao su tự nhiên. Chiều dài: ≥ 240 mm. Có các kích cỡ: 80 \pm 10 mm; 95 \pm 10 mm; 110 \pm 10 mm Bề mặt nhám găng tay nhẵn/nhám hoặc đầu ngón tay nhám, có phủ bột chống dính.	1.800.000	Đôi

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
33	Băng keo vô trùng dạng trong suốt 6cm x 7cm	Kích thước: (6cm x 7cm)±1cm Lớp film mỏng bằng màng polyurethane, trong suốt không thấm nước, phủ keo acrylic hoặc oxit kẽm, có độ bám dính cao, không gây kích ứng da. Đóng gói tiệt trùng từng cái	59.000	Miếng
34	Dây thông tiêu hai nhánh số 20	Chất liệu cao su thiên nhiên phủ silicon không chứa DEHP, đầu ống phân thành 2 nhánh tròn mềm, bóng được hàn kín liền lạc vào thân ống, chiều dài 30-40cm, số 20. Đóng gói tiệt trùng từng sợi.	17.000	Sợi
35	Ống đặt nội khí quản bóng trái khế các số	Chất liệu PVC không chứa Latex, không chứa DEHP, trong suốt, có vạch chia trên thân ống, có dây cảm quang dọc thân ống. Thân ống trơn láng. Loại có bóng, có dây bơm, xả bóng. Các số 6,5; 7; 7,5. Đóng gói tiệt trùng từng cái.	22.000	Cái
36	Núm đo điện tim dán ngực	Vật liệu PE-foam, nút gắn bằng bạc, chống rung, gel y tế không gây dị ứng.	157.000	Cái
37	Bơm tiêm 10ml không kim	Chất liệu nhựa Polypropylen (PP), dung tích 10ml, không kim. Xi lanh có vạch chia dung tích rõ ràng, chính xác và sắc nét, không bong tróc hoặc mờ khi tiếp xúc với hóa chất. Đóng gói tiệt trùng từng cái.	240.000	Cái
38	Bơm tiêm 3ml kim 23	Chất liệu nhựa y tế, dung tích 3ml, cỡ kim 23Gx 1 inch. Kim chích bằng kim loại không rỉ, bờ vách kim sắc bén, góc vát, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh có nắp đậy. Xi lanh có vạch chia dung tích rõ ràng. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng.	232.000	Cái
39	Bơm tiêm 1ml kim 25	Chất liệu nhựa; thể tích 1ml, kim 25Gx 5/8 inch. Kim chích bằng thép không rỉ, bờ vách kim sắc bén, góc vát, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh có nắp đậy. xi lanh có vạch chia dung tích rõ ràng. Đóng gói tiệt trùng từng cái.	77.000	Cái
40	Gạc cản quang trung 40cm x 40cm x 5 lớp	Chất liệu: Gạc y tế được dệt từ 100% sợi cotton, màu trắng, thấm hút tốt, sợi chắc và có cản quang. Kích thước: (40cm x 40cm) ±1cm x 5 lớp. Đóng gói: 40 cái/ gói. Không tiệt trùng.	245.760	Cái
41	Gạc cản quang đại 40cm x 80cm x 5 lớp	Chất liệu: Gạc y tế được dệt từ 100% sợi cotton, màu trắng, thấm hút tốt, sợi chắc và có cản quang. Kích thước: (40cm x 80cm) ±1cm x 5 lớp. Đóng gói: 20 cái/ gói. Không tiệt trùng.	61.440	Cái
42	Miếng dán điện cực trung tính	- Bề mặt gel được làm bằng chất liệu polyhesive hydro - Viên bản cực được bao quanh bằng lớp keo aryllic - Tương thích với máy cắt đốt Valleylab/ Covidien có tại bệnh viện.	7.200	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
43	Băng keo có gạc vô trùng 9cm x 20cm	Kích thước: (9cm x 20cm) ±1cm Lớp ngoài co giãn tốt, chất liệu sợi polyester không đàn dẹt; phủ keo acrylic hoặc oxit kẽm, có độ bám dính cao, không gây kích ứng da, gạc màu trắng, tiết trùng, thấm hút tốt, mềm, phủ lớp chống dính polyethylene. Đóng gói tiết trùng từng cái.	37.500	Miếng
44	Băng keo cá nhân	Kích thước: rộng 2cm ± 0.1cm, dài 6cm ± 0.5cm Lớp vải co giãn tốt, chất liệu viscose và polyamide, phủ keo acrylic hoặc oxit kẽm, có độ bám dính cao, an toàn cho mọi loại da, gạc màu trắng, thấm hút tốt, mềm, phủ lớp chống dính polyethylen. Đóng gói tiết trùng từng cái.	768.000	Miếng
45	Đĩa petri 60mm tiết trùng	Đĩa nuôi cấy 60 mm, không xử lý bề mặt, kích thước 60mm. Có chứng nhận MEA test. Đóng gói tiết trùng.	1.200	Cái
46	Bộ khăn PT lấy thai có kèm túi tích và màng PT	Bộ khăn bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> • 5 khăn thấm (40cm x 57cm) ±2cm • 2 băng keo OP (10cm x 50cm) ±1cm • 1 áo phẫu thuật cỡ M, vải không dệt ≥ 5 lớp • 2 áo phẫu thuật cỡ L, vải không dệt ≥ 5 lớp • 4 gạc tam giác • 2 bó gạc có cản quang 40cm x 40cm x 5 lớp • 2 kẹp rôn • 2 que gòn • 1 khăn em bé 90cm x 120cm • 1 khăn em bé 90cm x 120cm, vải Spunlace hoặc Rayon • 1 khăn trải bàn dụng cụ 2 lớp 120cm x 140cm • 1 khăn trải bàn dụng cụ 2 lớp 140cm x 150cm • 1 khăn phẫu thuật mổ đẻ (194cm x 370cm) ±2cm, có vùng thấm hút đặc biệt, có kèm túi thu dịch 270 độ, có màng phẫu thuật bao toàn bộ phẫu trường (50cm x 65cm) ±2cm, có ô đưa bé lên ngực 	24.700	Bộ
47	Túi đẹp 100mm x 200m	Kích thước: rộng 100mm ±10mm; dài ≥200m. Có chất chỉ thị hóa học in trên túi. Gồm 2 lớp: 1 lớp bằng giấy y tế, 1 lớp film trong suốt vật liệu bằng PET. Lớp film có khả năng chịu nhiệt cao. Phù hợp cho tiết trùng bằng hơi nước.	100	Cuộn
48	Túi đẹp 250mm x 200m	Kích thước: rộng 250mm ±10mm; dài ≥200m. Có chất chỉ thị hóa học in trên túi. Gồm 2 lớp: 1 lớp bằng giấy y tế, 1 lớp film trong suốt vật liệu bằng PET. Lớp film có khả năng chịu nhiệt cao. Phù hợp cho tiết trùng bằng hơi nước.	420	Cuộn

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
49	Túi đẹp 150mm x 200m	Kích thước: rộng 150mm ±10mm; dài ≥200m. Có chất chỉ thị hóa học in trên túi. Gồm 2 lớp: 1 lớp bằng giấy y tế, 1 lớp film trong suốt vật liệu bằng PET. Lớp film có khả năng chịu nhiệt cao. Phù hợp cho tiệt trùng bằng hơi nước.	420	Cuộn
50	Túi đẹp 200mm x 200m	Kích thước: rộng 200mm ±10mm; dài ≥200m. Có chất chỉ thị hóa học in trên túi. Gồm 2 lớp: 1 lớp bằng giấy y tế, 1 lớp film trong suốt vật liệu bằng PET. Lớp film có khả năng chịu nhiệt cao. Phù hợp cho tiệt trùng bằng hơi nước.	420	Cuộn
51	Kim chích các số (20G, 23G, 25G)	Kim (20G x 1 1/2"), (23Gx1"), (25Gx1"), làm bằng thép không gỉ. Đế kim được làm bằng nhựa. Đóng gói tiệt trùng từng cái.	312.000	Cây
52	Tăm bông xét nghiệm nhựa 15cm, 1 đầu gòn lớn	Thân que bằng nhựa, dài 15cm±0.5cm, một đầu quấn gòn bằng bông xơ tự nhiên 100% cotton (đường kính 10mm±0.2mm). Đóng gói: 10 que/gói. Tiệt trùng.	276.000	Que
53	Gạc hút 20cm x 7cm x 8 lớp	Chất liệu: Gạc y tế được dệt từ 100% sợi cotton, màu trắng, thấm hút tốt. Kích thước: (20cm x 7cm)± 1cm x 8 lớp. Đóng gói: 10 cái/gói. Tiệt trùng.	84.000	Cái
54	Chỉ Silk số 3/0, không kim	Chỉ không tan tự nhiên đa sợi Silk, số 3/0 không kim, chỉ dài 70-80cm.	8.712	Sợi
55	Máy đo huyết áp loại cơ	Máy đo huyết áp hiển thị bằng đồng hồ: + Đồng hồ tính bằng mmHg + Bao vải và lớp chứa khí bằng cao su tổng hợp có 2 nhánh dây. + Quả bóp có một ống xả, một val đóng và mở Đồng hồ đo phải được kiểm định của cơ quan có chức năng kiểm định.	100	Bộ
56	Giấy in monitor 150mm x 100mm	Giấy in nhiệt, in rõ nét, tương thích tất cả máy HP đang sử dụng tại bệnh viện. Kích thước: 150mmx100mmx150 sheet.	5.160	Xấp
57	Giấy in monitor 152mm x 90mm	Giấy in nhiệt, in rõ nét, tương thích tất cả máy Corometric đang sử dụng tại bệnh viện. Kích thước: 152mmx90mmx150 sheet.	3.480	Xấp
58	Ống hút nhót số 8	Chất liệu nhựa PVC, dài 45-50cm, 1 đầu bo tròn có đục lỗ, 1 đầu có gắn phễu, số 08. Đóng gói tiệt trùng từng cái.	64.000	Cái
59	Dây dao siêu âm dùng 100 lần	Bộ phận chuyển đổi năng lượng điện từ sang năng lượng cơ học, kết nối giữa máy phát chính và dụng cụ dao mổ siêu âm Harmonic Focus+, sử dụng được tối đa 100 ca phẫu thuật.	1	Cái
60	Băng keo cuộn co dãn 10cm x 4,5m	Kích thước: rộng 10cm ± 0,5cm, dài 4,5m ± 0,5m Băng thun màu trắng 100% cotton, có độ co dãn tốt, thoáng khí. Phủ lớp keo acrylic hoặc keo oxi kẽm có độ bám dính cao, an toàn cho mọi loại da.	180	Cuộn

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
61	Đầu cone vàng 200 mcl	Chất liệu: Nhựa PP chính phẩm, màu vàng. Đặc điểm: Không khóa hoặc có khóa, ôm kín đầu micropipet. Dung tích 0-200 μ l	64.000	Cái
62	Nút đẩy kim luân	Nắp đẩy khớp với tất cả các cỡ kim luân tĩnh mạch. Chất liệu nhựa. Có cổng tiêm thuốc. Đóng gói tiệt trùng từng cái	120.000	Cái
63	Băng keo hấp chỉ thị màu	- Băng keo chỉ thị hấp ướt kích thước 18-19mm x50m - Phù hợp với phương pháp tiệt trùng bằng khí hơi nước - Thay đổi màu sắc chính xác và không phai sau quá trình tiệt trùng.	300	Cuộn
64	Que test hóa học tương thích máy STERRAD 100S	Que có chỉ thị hóa học nhận dạng H ₂ O ₂ - Kích thước: 1.5 x 10 cm (\pm 5%) - Chuyển màu đồng nhất, rõ sau khi tiệt khuẩn.	16.000	Que
65	Pipette 1ml	Chất liệu nhựa PS; thể tích 1ml, vạch chia rõ ràng, chính xác Đóng gói tiệt trùng từng cái.	5.400	Cái
66	Pipette 5ml	Chất liệu nhựa PS; thể tích 5ml, vạch chia rõ ràng, chính xác Đóng gói tiệt trùng từng cái.	1.500	Cái
67	Pipette 10ml	Chất liệu nhựa PS; thể tích 10ml, vạch chia rõ ràng, chính xác Đóng gói tiệt trùng từng cái.	3.500	Cái
68	Dây dao siêu âm dùng 95 lần	Bộ phận chuyển đổi năng lượng điện từ sang năng lượng cơ học, kết nối giữa máy phát chính và dụng cụ dao mổ siêu âm Harmonic, sử dụng được tối đa 95 ca phẫu thuật.	1	Cái
69	Dung dịch hệ thống dùng rửa bộ phát hiện	Là dung dịch hệ thống dùng để rửa bộ phát hiện của máy phân tích xét nghiệm miễn dịch	1.175	lít
70	Hóa chất chứng xét nghiệm Tiền sản giật,	Dung dịch kiểm tra chất lượng cho đa xét nghiệm, là huyết thanh chứng đông khô lấy từ huyết thanh ngựa với hai nồng độ. - Thành phần: ▪ PC MM1: huyết thanh chứng	48	ml
71	Hóa chất chuẩn FT4,	Được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng FT4 trên máy xét nghiệm miễn dịch - Thành phần: ▪ FT4 III Cal1: mẫu chuẩn 1 ▪ FT4 III Cal2: mẫu chuẩn 2 L-thyroxine với hai nồng độ (khoảng 10 pmol/L hoặc 0.78 ng/dL và khoảng 45 pmol/L hoặc 3.5 ng/dL) trong hỗn hợp đệm/protein (albumin huyết thanh bò)	16	ml
72	Hóa chất xét nghiệm tuyến giáp TSH,	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng thyrotropin trong huyết thanh và huyết tương người. Khoảng đo: 0.005-100 μ IU/mL	36.600	test

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
73	Hóa chất xét nghiệm giang mai Syphilis,	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định tính các kháng thể kháng Treponema pallidum trong huyết thanh và huyết tương người, dùng hỗ trợ trong chẩn đoán nhiễm bệnh giang mai	44.400	test
74	Dung dịch pha loãng đa xét nghiệm	Được sử dụng như chất pha loãng mẫu. Thành phần: Đệm huyết thanh ngựa; chất bảo quản	412	ml
75	Dung dịch hệ thống dùng phát tín hiệu	Dung dịch hệ thống dùng để phát tín hiệu điện hóa cho máy phân tích xét nghiệm miễn dịch. Dung dịch được sử dụng để thực hiện các việc sau: <ul style="list-style-type: none"> ▪ Phục hồi điện cực ▪ Vận chuyển hỗn hợp phản ứng thuốc thử ▪ Rửa vi hạt phủ streptavidin ▪ Phát tín hiệu 	628	lít
76	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose; dải đo: 0.6-45 mmol/L; Thành phần: Đệm PIPES (pH 7,6), ATP, Hexokinase, G6P-DH	67.500	test
77	Hóa chất xét nghiệm LDH .	Hóa chất xét nghiệm in vitro dùng để định lượng LDL-cholesterol trong huyết thanh và huyết tương người. - Khoảng đo: 0.10-14.2 mmol/L (3.87-549 mg/dL)	2.300	test
78	Điện cực tham chiếu xét nghiệm điện giải .	Dùng để định lượng natri, kali và chloride trong huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu sử dụng điện cực chọn lọc ion. - Phương pháp đo ISE gián tiếp, khoảng đo: Ứng dụng cho huyết thanh và huyết tương: Na+ 80-180 mmol/L K+ 1.5-10.0 mmol/L Cl- 60-140 mmol/L Ứng dụng cho nước tiểu: Na+ 20-250 mmol/L K+ 3-100 mmol/L Cl- 20-250 mmol/L	7.000	ml
79	Hóa chất xét nghiệm ma-nê (Mg) .	Hóa chất xét nghiệm in vitro dùng để định lượng magnesium trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người - Khoảng đo: Huyết thanh/huyết tương 0.10-2.0 mmol/L (0.243-4.86 mg/dL) Nước tiểu 0.56-11.0 mmol/L (1.36-26.7 mg/dL)	4.500	test
80	Que xét nghiệm phân tích nước tiểu tự động hoàn toàn : pH, leukocytes, nitrite, protein, glucose, ketones,	Que thử nước tiểu sử dụng trên máy phân tích sinh hóa nước tiểu tự động gồm các thông số: Urobilinogen, Máu, Protein, Glucose, ketones, Nitrit, Bilirubin, Bạch cầu, pH, Creatinine, Albumin. Cung cấp số liệu cho máy tính toán kết quả A/C	9.000	test

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
	urobilinogen, bilirubin, Blood, Creatinine, Albumin	và P/C. Bảo quản trong hộp kín, tránh độ ẩm, ánh sáng mặt trời và nhiệt độ cao Độ bền sau khi mở nắp và đặt vào máy: 1 tuần.		
81	Chất thử chuẩn dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu	Dùng để hiệu chuẩn máy, gồm 4 loại : Cal 1, cal 2, cal 3, cal 4. đọc các thông số: Color, Clarity, Glucose, bilirubin, ketone, Specific Gravity, Occult Blood, pH, Protein, Urobilinogen, nitrit, leukocytes, và Creatinine	5	hộp
82	Cuvettes dùng cho máy phân tích cận lẳng	Cuvettes đựng mẫu phân tích cận lẳng nước tiểu tương thích hệ thống phân tích cận lẳng nước tiểu Atellica UAS 800 hoặc tương đương. Quy cách: 50 cuvette/ hộp.	11.400	test
83	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu	Dùng để rửa máy. Thành phần: Hexadecyltrimethylammonium hydrogen sulfate, magnesium chloride hexahydrate surfactant	12	hộp
84	Que thử nước tiểu 12 thông số dùng cho máy phân tích nước tiểu hoàn toàn tự động	Que thử 12 thông số: Albumin, Bilirubin, Hồng cầu (Blood), Creatinine, Màu sắc, Glucose, Ketone, Leukocyte, Nitrite, pH, Protein, Urobilinogen. Máy tự động tính thêm 4 thông số : Tỷ trọng (SG), Độ trong, Albumin/ Creatinine (A/C) và Protein / Creatinine (P/C).	204	hộp
85	Dung dịch pha loãng	Dung dịch đệm đẳng trương để sử dụng trong chẩn đoán in vitro, được thiết kế để đếm các tế bào máu và đo hematocrit trên các máy đếm tế bào máu - Thành phần: + Dung dịch đệm hữu cơ (Organic buffer) < 5%	270	lít
86	Hóa chất rửa cho máy phân tích huyết học. Sử dụng cho quy trình shutdown và rửa buồng đo khi cần	Dung dịch kiềm mạnh dùng để rửa hệ thống Thành phần: Sodium Hypochloride 5.0% Bảo quản: 2-8°C và nhiệt độ thường, nơi tối, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp	2.330	ml
87	Chất kiểm chuẩn Control 6C plus	Hóa chất kiểm chuẩn huyết học được sử dụng để theo dõi sự hoạt động của máy huyết học. - Thành phần: gồm hồng cầu được ổn định trong môi trường đẳng trương, thành phần giống tiểu cầu và hồng cầu cố định mô phỏng bạch cầu và hồng cầu có nhân.	270	ml
88	Dung dịch pha loãng	Sử dụng như một dung dịch đệm pha loãng đẳng trương kết hợp với một tác nhân ly giải không chứa cyanide dùng để đếm và định cỡ các tế bào máu trên hệ thống phân tích tế bào tự động	1.610	lít

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
		- Thành phần: Sodium Sulfate, Sodium Chloride, Tetracaine HCL, Imidazole		
89	Dung dịch canxi	Dung dịch Canxi Clorua 0.025 M dùng cho các xét nghiệm đông máu như thời gian hoạt hóa thromboplastin từng phần (APTT) hay cho các phân tích các yếu tố con đường nội sinh	2.160	ml
90	Hóa chất rửa kim	Hóa chất rửa kim hệ thống máy đông máu tự động, bền trên máy 5 ngày, chứa potassium hydroxide nồng độ < 1 %	35.280	ml
91	Xét nghiệm aPTT	Hóa chất dùng để xác định thời gian thromboplastin hoạt hóa từng phần (APTT) trong huyết tương, chứa cephalin từ mô não thỏ, dung dịch đệm kaolin.	7.200	ml
92	Xét nghiệm PT	Hóa chất xét nghiệm PT trên máy đông máu tự động: - R1: chứa thromboplastin đông khô được chiết xuất từ não thỏ. Ngoài ra còn chứa một chất ức chế heparin đặc hiệu. - R2: dung môi hòa tan có chứa canxi.	15.480	ml
93	Hóa chất xét nghiệm dùng cho sàng lọc sơ sinh: bệnh tăng sản thượng thận bẩm sinh	Hóa chất xét nghiệm dùng cho sàng lọc sơ sinh: bệnh tăng sản thượng thận bẩm sinh: - Hóa chất xét nghiệm chỉ tiêu 17-OHP (17 α -OH-Progesterone) dùng cho sàng lọc sơ sinh; - Sử dụng cho mẫu máu khô trên giấy thấm chuyên dụng; - Sử dụng với thiết bị tự động; - Áp dụng kỹ thuật miễn dịch huỳnh quang sử dụng các nguyên tố đất hiếm nhóm Lanthan; - Đạt IVD.	88.704	test
94	Hóa chất xét nghiệm dùng cho sàng lọc sơ sinh: bệnh Galactosemia (chuyển hóa đường Galactose)	Hóa chất xét nghiệm chỉ tiêu total Galactose dùng cho sàng lọc sơ sinh; - Sử dụng cho mẫu máu khô trên giấy thấm chuyên dụng; - Sử dụng với thiết bị tự động; - Áp dụng kỹ thuật huỳnh quang	49.536	test
95	Hóa chất xét nghiệm dùng cho sàng lọc sơ sinh: bệnh PKU (Phenylketone niệu)	Hóa chất xét nghiệm chỉ tiêu Phenylalanine dùng cho sàng lọc sơ sinh; - Sử dụng cho mẫu máu khô trên giấy thấm chuyên dụng; - Sử dụng với thiết bị tự động; - Áp dụng kỹ thuật huỳnh quang	51.840	test
96	Hóa chất xét nghiệm dùng cho sàng lọc sơ sinh: bệnh thiếu men Biotindase	Hóa chất xét nghiệm chỉ tiêu Biotinidase dùng cho sàng lọc sơ sinh; - Sử dụng cho mẫu máu khô trên giấy thấm chuyên dụng; - Sử dụng với thiết bị tự động; - Áp dụng kỹ thuật huỳnh quang; - Nồng độ hemoglobin \leq 1.6 g/dL không gây nhiễu đến xét nghiệm	49.536	test

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
97	Hóa chất xét nghiệm dùng cho sàng lọc sơ sinh: bệnh thiếu men G6PD	Hóa chất xét nghiệm chỉ tiêu G6PD dùng cho sàng lọc sơ sinh; Sử dụng cho mẫu máu khô trên giấy thấm chuyên dụng; Sử dụng với thiết bị tự động; Áp dụng kỹ thuật huỳnh quang;	70	1.152 test/kit
98	Hóa chất xét nghiệm dùng cho sàng lọc sơ sinh: bệnh thiếu năng giáp trạng bẩm sinh	Hóa chất xét nghiệm chỉ tiêu TSH dùng cho sàng lọc sơ sinh; Sử dụng cho mẫu máu khô trên giấy thấm chuyên dụng; Sử dụng với thiết bị tự động; Áp dụng kỹ thuật miễn dịch huỳnh quang sử dụng các nguyên tố đất hiếm nhóm Lanthan;	70	1.152 test/kit
99	Hóa chất sàng lọc sơ sinh rối loạn chuyển hóa axit amin, axit béo, axit hữu cơ	Hóa chất xét nghiệm các chỉ tiêu dùng cho sàng lọc các bệnh rối loạn chuyển hóa axit amin, axit béo và axit hữu cơ; - Bộ kit có khả năng định lượng 57 chất phân tích: 14 amino acid, 36 carnitin, 2 nucleoside, succinylacetone và 4 lysophosphatidylcholine trong cùng một xét nghiệm - Sử dụng cho mẫu máu khô trên giấy thấm chuyên dụng; - Sử dụng với hệ thống sắc ký khối phổ MSMS	22.080	test
100	Bộ kit xét nghiệm 14 genotype HPV nguy cơ cao gây ung thư cổ tử cung, xác định 3 type riêng biệt bằng phương pháp TMA	Xét nghiệm APTIMA HPV là xét nghiệm định tính 14 chủng HPV nguy cơ cao và định type chủng HPV type 16 và nhóm type 18/45 dựa trên công nghệ TMA nhằm vào phát hiện vùng oncogen E6/E7 mRNA của virus HPV. Các hóa chất và vật tư tiêu hao dùng để chạy trên hệ thống Panther cho xét nghiệm HPV bao gồm: - Bộ kit xét nghiệm APTIMA HPV - Bộ Panther Run kit - Ống chuyển mẫu Aptima - Bộ kit xét nghiệm APTIMA HPV GT 16 18/45 trong trường hợp kết quả xét nghiệm APTIMA HPV dương tính - Đầu côn 1000uL	21.750	test
101	Dung dịch rửa	Dung dịch rửa máy bao gồm các thành phần chính potassium phosphate, potassium chloride, surfactant và sodium azide < 0.1%.	95.000	ml
102	Dung dịch làm sạch và tiền khử khuẩn dụng cụ đa enzyme	1. Thành phần: 14% N,N-Didecyl-N-Methyl-poly(oxyethyl)ammonium propionate + 0,3% Chlorhexidine digluconate, hỗn hợp 3 enzym: protease, lipase và amylase 2. Làm sạch và khử nhiễm. Thời gian tiếp xúc: từ 5 phút pH sau khi pha loãng (0.5%) với nước máy: xấp xỉ 7.5	180	can

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
		3. Đạt tiêu chuẩn diệt vi khuẩn, thử nghiệm với nước cứng theo tiêu chuẩn EN 14561 4. Đạt tiêu chuẩn ISO 15883 (loại bỏ màng Biofilm)		
103	Hóa chất chương trình ngoại kiểm HbA1c	Chương trình ngoại kiểm HbA1c 2 thông số hoặc tương đương. Chương trình bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn. Bảo quản 2-8 °C	2	Hộp/6x 0,5ml
104	Hóa chất chương trình ngoại kiểm Miễn dịch	Chương trình ngoại kiểm miễn dịch đáp ứng trên 48 thông số bao gồm cả thuốc trị liệu, hormones và dấu ấn ung thư hoặc tương đương. Có chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.	2	Hộp/6x 5ml
105	Hóa chất chương trình ngoại kiểm Niệu	Chương trình ngoại kiểm Niệu đáp ứng 14 thông số tổng phân tích nước tiểu hoặc tương đương. Thành phần yêu cầu 100% nước tiểu người. Chu kỳ bắt đầu từ tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.	2	Hộp/3x 12ml
106	Hóa chất chương trình ngoại kiểm Sinh hóa	Chương trình ngoại kiểm Sinh hóa đáp ứng trên 50 thông số sinh hóa thường qui, bộ mỡ, hormones và kim loại vi lượng hoặc tương đương. Có chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.	2	Hộp/6x 5 ml
107	Hóa chất xét nghiệm chỉ tiêu free beta HCG	<ul style="list-style-type: none"> • Hóa chất xét nghiệm chỉ tiêu Free hCGβ dùng cho sàng lọc trước sinh (double test - thai kỳ I hoặc triple test - thai kỳ II); • 01 bộ gồm thuốc thử cho 96 xét nghiệm; • Sử dụng cho mẫu huyết thanh; • Sử dụng với thiết bị tự động; • Độ đặc hiệu phân tích: mẫu huyết thanh với nồng độ hemoglobin $\leq 5\text{g/L}$ không gây nhiễu đến xét nghiệm. • Đạt CE-IVD 	320	96 test/ Kit
108	Hóa chất xét nghiệm chỉ tiêu hAFP dùng cho sàng lọc trước sinh	<ul style="list-style-type: none"> • Hóa chất xét nghiệm chỉ tiêu hAFP dùng cho sàng lọc trước sinh (triple test - thai kỳ II); • Sử dụng cho mẫu huyết thanh hoặc mẫu dịch ối; • Sử dụng với thiết bị tự động; • Áp dụng kỹ thuật miễn dịch huỳnh quang sử 	30	96 test/ Kit

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
	(triple test - thai kỳ II)	dùng các nguyên tố đất hiếm nhóm Lanthan; • Độ nhạy ≤ 0.1 U/mL • Độ đặc hiệu phân tích: mẫu huyết thanh với nồng độ hemoglobin ≤ 480 mg/dL không gây nhiễu đến xét nghiệm; • Đạt CE-IVD		
109	Hóa chất xét nghiệm chỉ tiêu UE3 dùng cho sàng lọc trước sinh (triple test - thai kỳ II)	• Hóa chất xét nghiệm chỉ tiêu uE3 dùng cho sàng lọc trước sinh (triple test - thai kỳ II); • Sử dụng cho mẫu huyết thanh; • Sử dụng với thiết bị tự động và bán tự động; • Áp dụng kỹ thuật miễn dịch huỳnh quang sử dụng các nguyên tố đất hiếm nhóm Lanthan; • Độ đặc hiệu phân tích: mẫu huyết thanh với nồng độ hemoglobin ≤ 5 g/L không gây nhiễu đến xét nghiệm; • Đạt CE-IVD	30	96 test/Kit
110	Khay kháng sinh đồ nấm	Kháng sinh đồ MIC cho các chủng nấm	10	hộp
111	Canh thang dùng cho thử nghiệm nấm đồ	Môi trường canh thang	10	hộp
112	Nước khử khoáng vô trùng	Nước khử khoáng vô trùng	1	hộp
113	Ống độ đục chuẩn	Ống nhựa chứa các thành phần giả lập đạt độ đục tiêu chuẩn 0.5McF hoặc tương đương - Đóng gói: 5ml/ống - Bảo quản: nhiệt độ phòng	1	hộp
114	Khí sử dụng cho máy plasma	- Sử dụng cho máy phát tia Plasma lạnh hỗ trợ điều trị vết thương - Thành phần Argon độ tinh khiết: 99,9995%, H ₂ O < 3 ppm, N ₂ < 5 ppm, O ₂ < 2 ppm. - Bình hợp kim nhôm dung tích 8 lít - Áp suất an toàn của bình chứa: 250 bar - Áp suất khí nén khi đầy: 130 bar - Thể tích khí trong bình (Khi giải nén): 1040 lít * Kết nối: - Nối nhanh cơ khí: NTP G 1/4 - 6 mm - Giao diện kết nối điện tử: HDMI	804	bình
115	Bơm tiêm chứa gel chống dính dùng trong phẫu thuật	Gel natri hyaluronate tiệt trùng được chứa sẵn trong bơm tiêm 2,5ml, hàm lượng 10mg/ml.	596	hộp
116	Lọ chứa dịch bảo quản mẫu xét nghiệm	Bộ thu mẫu, bảo quản mẫu và vận chuyển mẫu tế bào để dùng cho xét nghiệm sinh học phân tử và/hoặc xét nghiệm tế bào học.	7.500	lọ

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
117	Chổi lấy mẫu xét nghiệm	Chổi lấy mẫu tế bào cổ tử cung được đóng gói riêng từng chổi, sử dụng một lần	7.500	cái

2. Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Từ Dũ, 284 Cống Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Thời gian giao hàng dự kiến:

Giao hàng nhiều đợt trong 12 tháng (theo yêu cầu đặt hàng của Phòng Vật tư Thiết bị y tế bằng văn bản / fax / e.mail / điện thoại);

Thời hạn giao hàng: giao hàng trong vòng 24 - 72 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu giao hàng của Phòng Vật tư Thiết bị y tế.

4. Các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

Tạm ứng: Không áp dụng

Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.

Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

Số lần thanh toán: Theo từng đợt giao hàng.

Thời hạn thanh toán: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày hoàn tất thủ tục thanh toán (biên bản giao nhận, biên bản nghiệm thu hàng hóa, bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành, hóa đơn tài chính hợp pháp đúng quy định và chứng từ thanh toán theo từng đợt).

5. Các thông tin khác (nếu có): Không có.

PHÒNG VẬT TƯ THIẾT BỊ Y TẾ

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Từ Dũ

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Từ Dũ, chúng tôi...[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các hàng hóa/vật tư như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế	Tên thương mại	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Thông số, tính năng kỹ thuật	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thành tiền (VND)
1													
2													
n	...												

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))